ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG THÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1938/QĐ-UBND	*Đông Thái, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chung xã Đông Thái tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÁI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang (sáp nhập xã Đông Thái, Nam Thái và Nam Thái A thành xã Đông Thái mới);

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐCP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 07:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg của thủ tướng Chính phủ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-TTg của thủ tướng Chính phủ ngày ngày 04 tháng 4 năm 2026 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của UBND

xã Đông Thái về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Đông Thái đến năm 2050 tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 6616/SXD-QH&PTĐTN gày 26 tháng 6 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc ý kiến đối với quy hoạch chung xã Đông Thái tỉnh An Giang đến năm 2050;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 58/TTr-PKT ngày 27 tháng 8 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xã Đông Thái tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

- Phạm vi: Toàn bộ ranh giới hành chính xã Đông Thái (bao gồm diện tích các xã Đông Thái, Nam Thái và Nam Thái A) với bờ biển dài 7,6km, thuộc Tiểu vùng phía Nam An Giang, được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Tây Yên và biển Tây.

+ Phía Nam giáp xã Vĩnh Hòa và xã An Biên.

+ Phía Đông giáp xã An Biên.

+ Phía Tây giáp xã Đông Hoà và xã Tân Thạnh.

- Quy mô diện tích: Khoảng 15.451,86 ha (trong đó Đông Thái cũ: 5.935,9 ha; Nam Thái: 5.241,85 ha; Nam Thái A: 4.274,11 ha).

- Thời hạn quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030-2035; giai đoạn dài hạn đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

2.1. Quan điểm:

- Phát triển bền vững, đô thị ven biển, vùng sản xuất nông nghiệp và năng lượng sạch thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và đặc thù vùng ven biển, khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, mặt nước, sinh thái rừng ngập mặn và nuôi trồng thủy sản.

- Phát triển không gian theo hướng phân vùng hợp lý, gắn kết giữa khu trung tâm hành chính - dân cư - dịch vụ với vùng sản xuất nông nghiệp - thủy sản - du lịch sinh thái, đảm bảo mối liên hệ hạ tầng thống nhất, đồng bộ.

- Đảm bảo tính kế thừa và ổn định quy hoạch hiện có, đồng thời có tầm nhìn chiến lược, linh hoạt thích ứng với yêu cầu phát triển mới và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn hiện đại.

2.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Từng bước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đảm

bảo khu đô thị Thứ Bảy đạt các tiêu chí của đô thị loại III.

- Đề ra các chỉ tiêu cụ thể nhằm xây dựng xã hoàn thiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, hướng tới nông thôn mới kiểu mẫu trước năm 2030.

- Làm cơ sở để kêu gọi đầu tư, lập quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư xây dựng.

- Phục vụ công tác quản lý nhà nước, quản lý xây dựng theo quy hoạch chung được phê duyệt.

3.Tính chất

- Là xã ven biển thuộc vùng phía Nam của tỉnh, có vai trò sản xuất nông nghiệp - thủy sản - di lịch sinh thái, phát triển theo hướng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, là vùng đệm sinh thái quan trọng và hạt nhân phát triển kinh tế ven biển.

- Là điểm du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng tại khu ven biển, khu rừng tràm, vườn trái cây.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

- Dân số: Dự báo đến năm 2035 đạt khoảng 58.000 người, dự báo đến năm 2050 đạt khoảng 64.000 người.

- Chỉ tiêu hạ tầng: Tuân thủ theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.

- Chỉ tiêu sử dụng đất: Tuân thủ theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.

5. Các nội dung chính của quy hoạch

5.1 Cấu trúc, định hướng phát triển không gian tổng thể

5.1.1 Tổ chức khu vực đô thị hóa và dân cư nông thôn

- Khu vực đô thị (Đô thị Thứ Bảy)

+ Vị trí: tại trung tâm xã Đông Thái và 1 phần của xã Đông Hòa, dọc theo trục Quốc lộ 63 và trục Xuyên Á phía Nam. (là một trong 15 đô thị được chuyển tiếp từ đô thị loại IV, V)

+ Quy mô đến năm 2050: Diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 250,0 ha, dân số dự báo khoảng 20.000 người.

+ Tính chất: Là trung tâm chính trị, trung tâm thương mại, dịch vụ và logistics thuộc tiểu vùng phía Nam tỉnh An Giang. Phát triển không gian theo mô hình đô thị sông nước - đô thị thông minh, định hướng đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

- Khu trung tâm hành chính xã Đông Thái

+ Vị trí: Ấp Trung Xinh, dọc theo trục đường Vành đai phía Tây và đường Tỉnh 964C.

+ Quy mô đến năm 2050: Diện tích đất xây dựng khoảng 50,0 ha, dân số dự báo khoảng 5.000 người.

+ Tính chất: Là trung tâm hành chính, giáo dục, các công trình dịch vụ - công cộng, khu dân cư mới.

- Tổ chức dân cư nông thôn: Hình thành mới hoặc chỉnh trang các cụm dân cư nông thôn tập trung, từng bước di dời dân cư sống phân tán ven các kênh rạch có nguy cơ sạt lở cao vào các khu dân cư tập trung an toàn, cụ thể:

- Khu dân cư số 1 (chỉnh trang từ Khu trung tâm xã Nam Thái cũ)

+ Vị trí: tại nút giao kênh Chống Mỹ và Kênh Sáu biển, hướng phát triển dọc theo trục đường tỉnh 964 và đường Nam Thái.

+ Quy mô: Diện tích đất xây dựng khoảng 25,0 ha, dân số dự báo 2.500 người.

+ Tính chất: là điểm dân cư nông thôn tập trung gắn liền với các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, cung ứng vật tư, sơ chế và bảo quản nông sản cho vùng lúa – tôm.

- Khu dân cư số 2 (chỉnh trang từ Khu trung tâm xã Nam Thái A cũ)

+ Vị trí: tại nút giao kênh Chống Mỹ và Kênh Bảy biển, hướng phát triển dọc theo trục đường tỉnh 964 và đường tỉnh 964B (mới).

+ Quy mô: Diện tích đất xây dựng khoảng 25,0 ha, dân số dự báo 2.500 người.

+ Tính chất: là điểm dân cư nông thôn tập trung gắn liền với các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, cung ứng vật tư, sơ chế và bảo quản nông sản cho vùng lúa – tôm.

- Khu dân cư số 3 (Quy hoạch mới)

+ Vị trí: tại nút giao kênh Xáng Xẻo Rô và Kênh Nhị Tỳ, hướng phát triển dọc theo trục đường Quốc lộ 63 và đường hành lang ven biển.

+ Quy mô: Diện tích đất xây dựng khoảng 20,0 ha, dân số dự báo 2.500 người.

+ Tính chất: là điểm dân cư nông thôn tập trung gắn các chức năng chính như: giáo dục, dịch vụ, thương mại, tái định cư.

- Khu dân cư số 4 (Quy hoạch mới)

+ Vị trí: tại nút giao kênh Xẻo Quao và Đê Quốc Phòng, dọc theo trục đường tỉnh 964B và đường ven biển.

+ Quy mô: Diện tích đất xây dựng khoảng 20,0 ha, dân số dự báo 2.500 người.

+ Tính chất: là điểm dân cư nông thôn tập trung gắn với phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn và du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp vùng ven biển.

- Khu dân cư số 5 (Quy hoạch mới)

+ Vị trí: tại nút giao kênh Bảy Biển và Đê Quốc Phòng, dọc theo trục đường tỉnh 964C và đường ven biển.

+ Quy mô: Diện tích đất xây dựng khoảng 20,0 ha, dân số dự báo 2.500 người.

+ Tính chất: là điểm dân cư nông thôn tập trung gắn với phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn và du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp vùng ven biển.

- Khu dân cư số 6 (Quy hoạch mới)

+ Vị trí: tại nút giao kênh Sáu Biển và Đê Quốc Phòng, dọc theo trục đường huyện Nam Thái (nd) và đường ven biển.

+ Quy mô: Diện tích đất xây dựng khoảng 20,0 ha, dân số dự báo 2.500 người.

+ Tính chất: là điểm dân cư nông thôn tập trung gắn với phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn và du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp vùng ven biển.

5.1.2 Các khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh

- Trạm biến áp 110kV An Biên (ấp Đông Thành), diện tích 0,7ha với quy mô công suất hiện hữu 40 MVA. Định hướng đến năm 2030 sẽ cải tạo, lắp thêm máy biến áp thứ 2 (40 MVA) để đạt tổng công suất 2x40 MVA

- Trạm biến áp 220kV An Biên – Vĩnh Thuận (ấp Kênh Làng), với quy mô công suất thiết kế 500 MVA (hoặc 2x250 MVA).

- Tuyến đường ống dẫn khí Lò B – Ô Môn (đoạn đi qua địa bàn khoảng 26,0ha, chiều dài khoảng 8,3km đường ống), khí thiên nhiên từ mỏ Lô B được dẫn về đất liền cung cấp cho Trung tâm Điện lực Ô Môn.

- Khu sản xuất kinh doanh tập trung (ấp Trung Xinh), với diện tích 70ha.

- Hệ thống đê biển Tây: dài khoảng 7,6km chống xói lở bờ biển kết hợp trồng rừng phòng hộ chắn sóng. Hệ thống đê bao kênh Chống Mỹ, kênh Xáng Xẻo Rô, kênh Bảy Biển, kênh Làng Thứ Bảy - Xẻo Quao.

- Hồ trữ nước Đông Thái quy mô khoảng 5,0 - 10,0 ha ấp Phú Lâm (Lưu lượng khoảng 141.667 m^3).

5.1.3 Khu vực an ninh, quốc phòng, di tích

- An ninh quốc phòng: Quy hoạch mới khu thao trường huấn luyện theo tiêu chuẩn, quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng.

- Lâm nghiệp: Bảo tồn và trồng mới rừng phòng hộ ven biển tại xã Đông Thái với diện tích 1.224,41 ha. Đây là vùng bảo vệ nghiêm ngặt để chắn sóng, ngăn mặn và bảo vệ đa dạng sinh học.

- Di tích lịch sử - văn hóa: Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh là Đình Nam Thái, thuộc vùng hạn chế phát thải, ưu tiên trùng tu gắn với phát triển du lịch văn hóa – tín ngưỡng.

5.1.4 Tổ chức phân bổ hệ thống trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, y tế

a) Tổ chức phân bổ hệ thống trung tâm hành chính

+ Giai đoạn ngắn hạn: Tập trung kiện toàn, cải tạo và chỉnh trang và tối ưu hóa tài sản công, cụ thể:

+ Trụ sở UBND xã Đông Thái quy mô 0,56ha (ấp Bảy Chợ): Tập trung cải tạo, sửa chữa và chỉnh trang nâng cấp để đảm bảo điều kiện làm việc trước mắt.

+ Trụ sở UBND xã Nam Thái A quy mô 0,56ha (ấp Bảy Biển): Chuyển đổi công năng thành nơi làm việc tập trung của khối Đảng ủy, các ban ngành đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Trụ sở UBND xã Nam Thái quy mô 0,53ha (ấp Sáu Biển): tạm thời chuyển đổi công năng, cải tạo cơ sở vật chất Trung tâm dịch vụ tổng hợp.

+ Trung tâm Văn hóa xã Nam Thái A quy mô 0,7ha (ấp Bảy Biển): Chuyển đổi toàn bộ công năng khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật hiện hữu để bố trí làm Trụ sở làm việc chuyên biệt của lực lượng Công an, dự kiến đến năm 2035 mở rộng thành 1,0ha.

+ Bàn giao quỹ đất dôi dư do sáp nhập ấp theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND cho UBND xã quản lý, các trụ sở cơ quan, văn phòng hành chính khác cơ bản ổn định giữ nguyên quy mô, chức năng và vị trí hiện hữu.

- Giai đoạn dài hạn:

+ Thực hiện quy hoạch xây dựng mới khu hành chính tập trung xã Đông Thái với quy mô diện tích khoảng 50,0ha tại khu vực ấp Trung Xinh - Hướng phát triển theo tuyến đường tỉnh 964C và tuyến đường Vành đai Phía Tây. Sau khi dự án khu hành chính tập trung mới của xã Đông Thái hoàn thành và đưa vào vận hành, toàn bộ hạ tầng và khuôn viên trụ sở UBND xã hiện hữu sẽ được bàn giao nguyên trạng cho Ban Chỉ huy Quân sự xã quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc chuyên biệt nhằm tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh tại cơ sở.

+ Trung tâm Văn hóa xã Đông Thái quy mô 0,32ha (ấp Bảy Chợ): Chuyển đổi toàn bộ công năng khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật hiện hữu để xây dựng mới trụ sở làm việc cho khối Đảng ủy, HĐND và các ban ngành đoàn thể. Vị trí mới này được bố trí liền kề với Ban Chỉ huy Quân sự xã nhằm tạo thế liên hoàn, bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn trong khu vực.

+ Trung tâm dịch vụ tổng hợp (Trụ sở UBND xã Nam Thái) quy mô 0,53ha (ấp 6 Đình): Chuyển đổi công năng, xây dựng mới kết hợp cải tạo cơ sở vật chất thành trường Mầm non nhằm đảm bào bán kính phục vụ và nhu cầu giáo dục.

b) Thương mại dịch vụ

- Phát triển mạng lưới thương mại xã Đông Thái gắn liền với lộ trình đưa Đô thị Thứ Bảy trở thành trung tâm dịch vụ - logistics ven biển của tiểu vùng phía Nam. Định hướng tập trung vào các nội dung như sau:

- Thực hiện cải tạo, nâng cấp toàn diện hạ tầng chợ Thứ Bảy nằm trong khu vực Đô thị Thứ Bảy.

- Hiện đại hóa hạ tầng bán lẻ: đối với các điểm dân cư nông thôn, quy hoạch quỹ đất để thu hút đầu tư các loại hình thương mại hiện đại như siêu thị mini, trung tâm thương mại quy mô phù hợp tạo môi trường mua sắm chất lượng cao cho cư dân và khách du lịch.

- Cửa hàng xăng dầu: Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo các cửa hàng xăng dầu hiện có và xây dựng mới các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn xã để đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng. Các cửa hàng xăng dầu xây dựng mới phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

b) Du lịch

- Du lịch sinh thái và lưu trú (khu vực ven biển): Trong giai doạn dài hạn, sẽ khai thác mô hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm dưới tán rừng phòng hộ. Phát triển các điểm lưu trú cộng đồng sinh thái với mật độ xây dựng thấp.

- Du lịch sinh thái và lưu trú (khu vực nuôi trồng thủy sản): Trong giai doạn dài hạn, sẽ khai thác mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái. Định hướng tổ chức các tour tham quan, trải nghiệm; kết hợp hình thành các điểm dừng chân, dịch vụ ẩm thực hải sản và lưu trú trải nghiệm ngắn ngày.

c) Văn hóa, thể dục thể thao

- Tận dụng và khai thác hiệu quả quỹ đất của Trung tâm văn hóa xã Nam Thái cũ để quy hoạch tổ hợp công trình Sân thể dục thể thao kết hợp Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Đông Thái. Việc đặt trung tâm văn hóa tại vị trí này nhằm tạo ra sự gắn kết chặt chẽ với không gian di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh Đình Nam Thái, hình thành quần thể kiến trúc văn hóa – tín ngưỡng đặc trưng của địa phương.

- Công viên cây xanh tập trung: Quy hoạch công viên cây xanh tại ấp Bảy Chợ kết hợp không gian hồ nước cảnh quan của xã.

- Quảng trường: Quy hoạch mới quảng trường đa năng gắn liền với khu trung tâm hành chính mới, đóng vai trò là không gian tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội… của xã.

d) Giáo dục đào tạo

- Thực hiện rà soát, sáp nhập các điểm trường có quy mô nhỏ, xóa bỏ các điểm trường lẻ không đảm bảo cơ sở vật chất, cạnh đó tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hóa trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Dự kiến cụ thể như sau:

- Trường Mầm non (Trên cơ sở sáp nhập Trường Mầm non Nam Thái A; trường Mầm non Nam Thái; Trường Mầm non Đông Thái): trường Mần Non Đông Thái (ấp Bảy Chợ). Dự kiến đầu tư xây dựng 03 điểm mới (hoán đổi từ đất UBND xã Nam Thái cũ, và tại các khu dân cư và điểm dân cư nông thôn phát triển mới). Nâng tổng quy mô đất giáo dục mầm non tối thiểu đạt 6,86ha.

- Trường Tiểu học: bao gồm trường tiểu học Đông Thái 1 (ấp Bảy Chợ), Trường Tiểu học Đông Thái 2, Trường tiểu học Đông Thái 3 (Trên cơ sở sáp nhập Trường Tiểu học Nam Thái 1; Trường Tiểu học Nam Thái 2), trường tiểu học Đông Thái 4 (ấp Xẻo Vẹt) (Trên cơ sở tách Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Thái A sáp nhập với Trường Tiểu học Nam Thái A1). Về cơ bản đảm bảo nhu cầu phát triển lâu dài với 5,82ha.

- Trường Trung học cơ sở (Trên cơ sở sáp nhập Trường Trung học cơ sở Nam Thái và tách Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Thái A): bao gồm trường Trung học cơ sở Đông Thái (ấp Sáu Đình). Dự kiến đầu tư xây dựng mới 02 điểm mới (Tiếp nhận từ đất trường mầm non chuyển sang và tại các khu dân cư và điểm dân cư nông thôn phát triển mới). Nâng tổng quy mô đất giáo dục THCS tối thiểu đạt 4,9ha.

- Trường Trung học Phổ thông: bao gồm trường THCS và THPT Đông Thái (ấp Bảy Chợ). Dự kiến đầu tư xây dựng mới 01 điểm mới. Nâng tổng quy mô đất giáo dục THPT tối thiểu đạt 4,9ha.

- Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Đông Thái: giữ nguyên quy mô hiện tại đồng thời tiếp tục phối hợp và hỗ trợ phát triển của trường nhằm đảm bảo quyền lợi học tập và giữ gìn bản sắc văn hóa cho con em đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

- Bàn giao quỹ đất dôi dư do sáp nhập các điểm trường (không sử dụng) cho UBND xã quản lý, sử dụng;

e) Y tế

Thực hiện rà soát, đầu tư xây mới hoặc nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Đông Thái và các điểm trạm để đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Các trung tâm y tế xã cũ chuyển công năng thành tổ y tế cơ sở.

5.2 Yêu cầu quản lý theo các khu vực

Không gian phát triển của xã Đông được phân chia thành 04 khu vực chức năng

chính dựa trên đặc điểm tự nhiên và tiềm năng kinh tế:

- Vùng I: Vùng đô thị hóa và trung tâm hành chính, chính trị, dịch vụ thương mại (Đô thị Thứ Bảy)

Phạm vi: Tập trung dọc theo trục Quốc lộ 63 và trục hành lang kinh tế xuyên Á phía Nam (được giới hạn bởi các trục đường Vành Đai).

Tính chất: Là trung tâm chính trị, hành chính, thương mại, dịch vụ của xã.

Định hướng: Phát triển theo mô hình đô thị sông nước - đô thị thông minh, tập trung đầu tư, nâng cấp các tiêu chí hạ tầng nhằm hướng tới đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

- Vùng II: Vùng chuyên nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái ven biển

+ Phạm vi: toàn bộ diện tích từ đường Vành đai phía Tây trở ra đến giáp đê Quốc Phòng.

+ Tính chất: Phát triển nuôi trồng thủy hải sản kỹ thuật cao gắn với dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ - du lịch sinh thái ven biển.

+ Định hướng: phát triển không gian dân cư gắn với các trục đường tỉnh chỉnh trang và mở mới, đường liên xã, đường hành lang ven biển, các điểm dân cư nông thôn và du lịch sinh thái cảnh quan biển.

- Vùng III: Vùng sản xuất nông nghiệp và du lịch trải nghiệm nông nghiệp

+ Phạm vi: Toàn bộ ranh giới từ đường Vành đai phía Đông trở ra đến hết ranh xã.

+ Tính chất: Vùng phát triển mô hình lúa – tôm, nuôi thủy sản nước ngọt và cây ăn trái vừa và nhỏ.

+ Định hướng: Trở thành vùng nguyên liệu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp.

- Vùng IV: Vùng bảo tồn sinh thái và hạn chế xây dựng

+ Phạm vi: Hành lang rừng phòng hộ ven biển (1.224,41 ha) và các khu vực di tích văn hóa, tôn giáo.

+ Tính chất: Bảo vệ đa dạng sinh học, ngăn mặn và chắn sóng và bảo tồn giá trị văn hóa.

+ Định hướng: Quản lý nghiêm ngặt theo quy chế vùng lõi sinh thái và vùng hạn chế xây dựng. Nghiêm cấm các hoạt động xâm hại đến diện tích rừng phòng hộ; kết hợp hài hòa giữa công tác bảo tồn sinh thái tự nhiên với tôn tạo, phát huy giá trị quần thể di tích lịch sử - văn hóa, tâm linh tại địa phương.

5.3 Quy hoạch sử dụng đất

Dự kiến đến năm 2035, đất xây dựng của xã Đông Thái tăng từ 1007,07ha (chiếm 6,52% diện tích tự nhiên) đến năm 2035 là 1.419,15ha (chiếm 9,18% diện tích tự nhiên) và tiếp tục tăng đến năm 2050 khoảng 1.849.59ha (chiếm 11,97% diện tích tự nhiên). Đất nông nghiệp của xã giảm từ 14.135,76ha còn 13.723,71ha ở năm 2035, đến năm 2050 loại đất này còn 13.293,26ha. Các loại đất khác (sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng) cơ bản giữ nguyên 309,04ha, cụ thể theo bảng sau:

Stt	Loại	Diện tích (ha)			
		Hiện trạng năm 2025	**Định hướng đến năm 2030**	**Định hướng đến năm 2035**	**Định hướng đến năm 2050**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	**Đất nông nghiệp**	**14,135.76**	**13,771.35**	**13,723.71**	**13,293.26**
1.1	Đất trồng lúa	8,886.08	8,413.55	8,024.20	7,596.75
1.1.1	*Đất chuyên trồng lúa*	-		-	-
1.1.2	*Đất trồng lúa nước còn lại (tôm lúa)*	*8,886.08*	*8,413.55*	*8,024.20*	*7,596.75*
1.2	Đất trồng trọt khác	1,038.97	694.24	829.51	826.51
1.3	Đất rừng phòng hộ	1,122.93	1,124.56	1,224.41	1,224.41
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	3,087.78	3,538.99	3,645.59	3,645.59
2	**Đất xây dựng**	**1,007.07**	**1,371.49**	**1,419.15**	**1,849.59**
2.1	Đất ở	439.54	530.67	519.57	704.00
2.2	*Đất công cộng*	*26.44*	*30.46*	*27.12*	*36.80*
	+ Đất xây dựng cơ quan, trụ sở	*4.11*	*4.11*	*14.01*	*14.01*
	+ Đất y tế	*0.00*	*0.84*	*0.00*	*0.00*
	+ Đất giáo dục	*20.24*	*20.78*	*20.32*	*30.00*
	+ Đất nhà văn hóa	*0.72*	*2.72*	*0.72*	*0.72*
	+ Đất sinh hoạt cộng đồng	*0.10*	*0.00*	*0.10*	*0.10*
	+ Đất chợ	*1.27*	*2.01*	*1.87*	*1.87*
2.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	0.00	5.50	10.00	13.00
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	2.13	2.13	2.13	2.13
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	5.75	82.09	87.90	87.90
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0.00	0.00	0.00	0.00
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	4.01	17.76	14.26	14.26
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	217.85	358.76	403.65	627.01
	+ Đất giao thông	*212.47*	*327.38*	*372.26*	*595.62*
	+ Đất xử lý chất thải rắn	*2.48*	*2.48*	*2.48*	*2.48*
	+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa	*2.10*	*6.22*	*16.22*	*16.22*
	+ Đất hạ tâng kỹ thuật khác	*0.81*	*22.69*	*22.69*	*22.69*
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	310.74	311.95	313.29	313.29
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0.62	1.71	4.21	4.51
	+ Đất xây dựng công trình quốc phòng	*0.00*	*0.37*	*2.87*	*2.87*
	+ Đất xây dựng công trình an ninh	*0.62*	*1.34*	*1.34*	*1.64*
3	**Đất khác**	**309.06**	**309.06**	**309.04**	**309.04**
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	309.06	309.06	309.04	309.04
3.2	Đất chưa sử dụng	0.00	0.00	0.00	0.00

Stt	Loại	Diện tích (ha)			
		Hiện trạng năm 2025	Định hướng đến năm 2030	Định hướng đến năm 2035	Định hướng đến năm 2050
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
Tổng		**15,451.89**	**15,451.89**	**15,451.89**	**15,451.89**

5.4 Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

5.4.1 Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Quy hoạch cao độ nền: Do đặc thù địa hình thấp trũng và chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, cao độ xây dựng tối thiểu cho khu vực đô thị (Đô thị Thứ Bảy) và các cụm dân cư tập trung được khống chế Hxd ≥ 1,8m,. Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên đối với khu vực nông thôn để hạn chế đào đắp lớn.

- Thoát nước mưa: Chia thành các lưu vực chính thoát ra kênh Tân Bằng – Cán Gáo, kênh Làng Thứ Bảy và biển Tây. Đối với khu vực Đô thị Thứ Bảy, và các cụm dân cư tập trung bắt buộc xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải sinh hoạt.

5.4.2 Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đường bộ

- Quốc lộ:

+ Quốc lộ 63: Đoạn đi qua địa bàn xã dài 16,0 km, điểm đầu *(ranh xã An Biên)*; điểm cuối *(ranh Xã An Biên)*. Quy hoạch đến 2035 đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe, mặt đường BTN, đảm bảo công trình kiên cố, cao độ nền đường phù hợp với quy hoạch thoát lũ.

+ Đường Ven biển: Đoạn đi qua địa bàn xã dài 9,0 km, điểm đầu (ranh xã Tây Yên); điểm cuối (ranh Xã Tân Thạnh). Quy hoạch đến 2035 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, mặt đường BTN, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp III 4 làn xe, mặt đường BTN đảm bảo công trình kiên cố, cao độ nền đường phù hợp với quy hoạch thoát lũ.

- Mạng lưới đường tỉnh:

+ Đường tỉnh 964 (hiện hữu): Đoạn qua địa bàn xã dài 10,0 km, điểm đầu (xã Tây Yên), điểm cuối (xã Tân Thạnh). Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn cấp III, 2 làn xe, mặt đường BTN, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp III 4 làn xe, mặt đường BTN.

+ Đường tỉnh 964B: Đoạn qua địa bàn xã dài 15,6 km, điểm đầu (Quốc lộ 63), điểm cuối (đường Ven biển). Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn cấp III, 2 làn xe, mặt đường BTN, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp III 4 làn xe, mặt đường BTN.

+ Đường tỉnh 964C: Đoạn qua địa bàn xã dài 13,0 km, điểm đầu (Quốc lộ 63), điểm cuối (đường Ven biển). Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn cấp III, 2 làn xe, mặt đường BTN, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp III 4 làn xe, mặt đường BTN.

+ Đường tỉnh 966: Đoạn qua địa bàn xã dài 3,9 km, điểm đầu (Quốc lộ 63), điểm cuối (xã An Biên). Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn cấp III, 2 làn xe, mặt đường BTN, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp III 4 làn xe, mặt đường BTN. - Mạng lưới đường liên xã

+ Đường vành đai phía Tây: Đoạn qua địa bàn xã dài 9,0 km, điểm đầu (xã An Biên), điểm cuối (đường tỉnh 964B). Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn cấp III, 2 làn xe có dảy phân cách, mặt đường BTN, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp III 4 làn xe, mặt đường BTN.

+ Đường vành đai phía Đông: Đoạn qua địa bàn xã dài 4,0 km, điểm đầu (xã An Biên), điểm cuối (Quốc lộ 63). Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn cấp III, 2 làn xe có dảy phân cách, mặt đường BTN, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp III 4 làn xe, mặt đường BTN.

+ Đường Bầu Trâm – Nam Thái: Đoạn qua địa bàn xã dài 8,0 km, điểm đầu (xã An Biên), điểm cuối (đường Ven Biển), Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, mặt đường nhựa, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV 4 làn xe, mặt đường nhựa.

+ Đường Nam Thái: Đoạn qua địa bàn xã dài 10,5 km, điểm đầu (đường tỉnh 966), điểm cuối (đường đường Bầu Trâm – Nam Thái), Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, mặt đường nhựa, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV 4 làn xe, mặt đường nhựa.

+ Đường số 4: Đoạn qua địa bàn xã dài 5,2 km, điểm đầu (xã An Biên), điểm cuối (Quốc lộ 63), Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, mặt đường nhựa, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV 4 làn xe, mặt đường nhựa.

+ Đường Hưng Yên – Đông Thái: Đoạn qua địa bàn xã dài 3,2 km, điểm đầu (đường kênh Thứ Sáu), điểm cuối (xã An Biên), Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, mặt đường nhựa, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV 4 làn xe, mặt đường nhựa.

+ Đường kênh thứ Sáu: Đoạn qua địa bàn xã dài 5,6 km, điểm đầu (Quốc lộ 63), điểm cuối (đường kênh số 1), Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, mặt đường nhựa, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV 4 làn xe, mặt đường nhựa.

+ Đường kênh Số 1: Đoạn qua địa bàn xã dài 6,2 km, điểm đầu (Quốc lộ 63), điểm cuối (xã An Biên), Quy hoạch đến 2035, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, mặt đường nhựa, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV 4 làn xe, mặt đường nhựa.

- Mạng lưới đường xã, giao thông nông thôn

+ Định hướng chung đến năm 2035 toàn bộ hệ thống đường xã trên địa bàn đạt tối thiểu là cấp VI-ĐB, mặt đường nhựa hoặc BTXM, rộng 5,5m, nền 7,0m, lề gia cố mỗi bên 1,0m, hành lang an toàn mỗi bên 4m, đất bảo vệ, bảo trì đường bộ mỗi bên 1m, lộ giới 18m.

b) Giao thông đường thủy: Duy trì hoạt động cho các bến hiện hữu đáp ứng các tiêu chuẩn hoạt động bến thủy nội địa và quy định hiện hành của nhà nước; Đình chỉ, chấm dứt các hoạt động của các bến tự phát không giấy phép.

5.4.3 Quy hoạch hệ thống điện và Cung cấp năng lượng

- Hệ thống điện:

+ Nguồn điện: được cấp điện từ nguồn lưới điện quốc gia thông qua các trạm biến áp truyền tải khu vực.

+ Nhu cầu: Tổng nhu cầu dung lượng điện dự kiến tăng từ khoảng 32.000,00 kW (năm 2035) lên đến 33.700,00 kW vào năm 2050. Trong đó, khu vực Đô thị Thứ Bảy chiếm nhu cầu lớn nhất với khoảng 10.500 kW; các điểm dân cư tập trung Nam Thái, Nam Thái A, Trung Quý, các điểm dân cư ven biển mỗi khu vực cần khoảng 750 kW.

+ Lưới điện phân phối: Chuẩn hóa lưới trung áp 22kV, từng bước ngầm hóa tại khu vực trung tâm Đô thị Thứ Bảy và các điểm dân cư tập trung. Phấn đấu 100% hộ dân nông thôn có điện ổn định.

- Hệ thống viễn thông:

+ Nguồn cấp lấy từ hệ thống cáp viễn thông từ tổng đài hiện hữu cấp đến thông qua tuyến cáp quang liên vùng theo quy hoạch tỉnh được duyệt.

+ Nhu cầu: Tổng nhu cầu sử dụng hạ tầng viễn thông: Giai đoạn đến năm 2035 là 64.000 thuê bao; giai đoạn đến năm 2050 là 70.500 thuê bao và cho ra các tuyến cáp quang đưa tới các từng hạng mục công trình trong khu vực.

5.4.4 Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nguồn nước: Từ trạm cấp nước hiện hữu và nguồn nước dự phòng tại chỗ được đảm bảo bởi Hồ trữ nước Đông Thái quy mô 5,0ha với dung tích khoảng 141.667m³.

- Nhu Cầu: theo tính toán tổng nhu cầu dùng nước dự kiến sẽ tăng từ 5.600,00 m3/ngày đêm (năm 2035) lên đến 6.200,00 m3/ngày đêm vào năm 2050.

- Giải pháp: Tiếp tục sử dụng nguồn nước từ trạm cấp nước của xã trong giai đoạn ngắn hạn. Về lâu dài sẽ Ưu tiên khai thác nguồn nước mặt từ sông Hậu thông qua hệ thống truyền tải liên vùng của các nhà máy nước quy mô lớn (NMN Sông Hậu 2 và Sông Hậu 3).

- Cấp nước chữa cháy: Lưu lượng cấp nước chữa cháy 30 (l/s), số đám cháy 2, thời gian 3 giờ. Công suất chữa cháy 648(m³); Nước cấp phòng cháy chữa cháy được bố trí chung với hệ thống nước sinh hoạt, trên đường ống phân phối bố trí các trụ cứu hỏa. Khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa không quá 150m. Bố trí trụ cứu hỏa tại các nút giao của tuyến đường nội bộ nhằm thuận tiện cho việc chữa cháy. Trụ chữa cháy bố trí dọc theo đường giao thông, vị trí các trụ cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và thiết kế mạng lưới phòng cháy chữa cháy của khu vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

5.4.5 Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng biệt (tách rời nước mưa và nước thải) đối với khu vực Đô thị Thứ Bảy và các khu dân cư tập trung mới. Hướng thoát nước mưa chủ yếu dựa vào địa hình tự nhiên, tiêu thoát qua hệ thống kênh trục ra biển.

- Đô thị Thứ Bảy: Xây dựng trạm XLNT tập trung công suất dự kiến 3.000 m3/ngày đêm, xử lý đạt tiêu chuẩn loại A QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

- Khu hành chính tập trung: Xây dựng trạm XLNT tập trung công suất dự kiến 1.000 m3/ngày đêm, xử lý đạt tiêu chuẩn loại A QCVN 14:2008/BTNMT trước khi

xả ra môi trường.

- Các khu dân cư tập trung mới: Xây dựng trạm XLNT tập trung công suất dự kiến phù hợp với nhu cầu thực tế, xử lý đạt tiêu chuẩn loại A trước khi xả ra môi trường.

- Khu vực nông thôn: Sử dụng hệ thống thoát nước chung; yêu cầu 100% hộ dân xây dựng bể tự hoại đạt chuẩn để xử lý sơ bộ tại chỗ.

5.4.6 Quy hoạch quản lý chất thải rắn

- Thực hiện lộ trình đóng cửa, cải tạo và phục hồi môi trường tại bãi rác ấp Nam Quý (2,72 ha).

- Nhu cầu thu gom: Đối với khu vực đô thị thứ Bảy khoảng 16,2 -18,0 tấn/ng, các điểm dân cư mới khoảng 2- 4 tấn/ngày. Các công trình khác từ 4,8 -5,3 tấn/ng. Tổng nhu cầu thu gom của toàn xã khoảng 79.4 - 84.9 tấn/ng.

- Giải pháp: Toàn bộ rác thải sinh hoạt được thu gom về Khu xử lý chất thải rắn An Minh (công suất 500-700 tấn/ng) sử dụng công nghệ đốt hiện đại.

5.4.7 Nghĩa Trang: Nghĩa trang: Nâng cấp, mở rộng nhân dân tại ấp Đông Thành lên quy mô 7,0 ha, bổ sung nhà tang lễ và cơ sở hỏa táng để phục vụ liên xã và đô thị.

5.5 Luận cứ xác định chương trình dự án ưu tiên đầu tư

- Đảm bảo cho xã Đông Thái phát triển mạnh, nhanh, bền vững trong tương lai. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư tập trung vào các hạng mục để hoàn thành tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao.

- Ưu tiên các dự án nằm trên các hành lang kinh tế trọng điểm như Quốc lộ 63 và Hành lang ven biển phía Nam để tạo động lực lan tỏa cho tiểu vùng phía Nam.

- Tập trung đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội để hạt nhân Đô thị Thứ Bảy sớm đạt tiêu chí đô thị loại III

- Ưu tiên các công trình thủy lợi, hồ trữ nước ngọt và kè chống sạt lở để bảo vệ vùng sản xuất lúa – tôm và khu dân cư trước nguy cơ nước biển dâng và xâm nhập mặn.

- Cải tạo chỉnh trang phục hồi khu trung chuyển rác hiện trạng, nâng cấp cơ sở y tế, giáo dục.

5.6 Giải pháp bảo vệ môi trường

- Phát triển kinh tế xã hội, đô thị hóa đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

- Phát triển đô thị gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, khu đô thị tránh tác động xấu đến môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các dự án phát triển dân cư, phải có đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn tiếp nhận nước thải trên kênh, rạch, môi trường đất, môi trường không khí tại các khu vực trọng điểm .

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với vùng bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng dân cư đô thị,

vành đai, khu cây xanh công cộng.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

- Giao Phòng Kinh tế xãchủ trì phối hợp với các phòng, ban, tổ chức, cá nhân có liên quan:

- Tổ chức công bố, công khai, cắm mốc ranh giới, cung cấp thông tin quy hoạch Quy hoạch chung xã Đông Thái tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Tổ chức rà soát, hoàn thiện báo cáo, hệ thống bản đồ, sơ đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ Quy hoạch chung xã bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ theo quyết định này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Quy hoạch chung xã sau khi phê duyệt.

- Trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Quy hoạch chung xã, trường hợp có nội dung khó khăn, vướng mắc, thì báo cáo Ủy ban nhân dân xã Đông Thái xem xét, quyết định.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, đơn vị tư vấn và Thủ trưởng các phòng, ban, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng An Giang;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban ngành xã;
- Lưu: VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐÔNG THÁI T. AN GIANG

Trần Thanh Điền